

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20 -9 - 2017

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Cù Thị Chanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện VKSND huyện H Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*
Không.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn N, xã H Bình, huyện H Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã H Bình, huyện H Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017, bản tự khai ngày 23/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Đoàn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Cát huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/12/1998. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H dùng toàn bộ số tiền và tài sản của vợ chồng để chơi lô đề dẫn đến thất thoát kinh tế, trong gia đình lúc nào cũng thường xuyên xảy ra mâu

thuần bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ tháng 01/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu tên là Vũ Anh T1, sinh ngày 14/7/1999, cháu Vũ Anh T, sinh ngày 10/6/2009, cháu T1 đã Thành niên, anh đề nghị giao chị H nuôi cháu Vũ Anh T, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Cát huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/12/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, từ tháng 12 năm 2016 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 3 năm 2017 thì anh T chuyển ra ngoài ở. Tại phiên hòa giải ngày 20/6/2017 tại Tòa án chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2004 nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thua lỗ nên vợ chồng hay cãi cọ nhau, anh T xin ly hôn chị H đồng ý, Tòa án đã ra biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/6/2017, đến ngày 21/6/2017 chị H thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đang còn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu tên là Vũ Anh T1, sinh ngày 14/7/1999, cháu Vũ Anh T, sinh ngày 10/6/2009, cháu T1 đã THnh niên, chị H có nguyện vọng nuôi cháu Vũ Anh T, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H có kê khai sau đó thay đổi yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Đoàn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống và trong việc phát triển kinh tế của gia đình dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau; anh T cho rằng chị H chơi lô đề,

không lo làm ăn dẫn đến thất thoát kinh tế tài sản của gia đình, chị H cho rằng làm ăn kinh tế thua lỗ nhưng cũng không có căn cứ gì chứng minh việc làm ăn thua lỗ. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2017, mặc dù chị H có níu kéo để anh T về đoàn tụ, nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu tên là Vũ Anh T1, sinh ngày 14/7/1999, cháu Vũ Anh T, sinh ngày 10/6/2009, cháu T1 đã thành niên tự lập được, nguyện vọng của cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ/tháng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt của cháu T1 và khả năng kinh tế của hai bên.

[4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu nhưng sau đó rút yêu cầu về chia tài sản chung; phần tài sản, giữa chị H và anh T sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Đoàn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Anh T, sinh ngày 10/6/2009, cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, Hng tháng anh T phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm thi hành án bằng 50% mức lãi xuất giới hạn.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án

phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004670 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện H Trung, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H Trung;
- THADS huyện H Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt